ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2019/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Séc về hợp tác phòng, chống tội phạm, ký tại Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2019.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC
VỀ
HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc (sau đây gọi là "các Bên ký kết"),

Lo ngại trước nguy cơ gia tăng của tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là sự gia tăng của việc lạm dụng các chất ma túy và chất hướng thần cũng như việc mua bán trái phép các chất này trên quy mô toàn cầu,

Nhận thấy tầm quan trọng của hợp tác phòng, chống tội phạm có tổ chức, mua bán trái phép các chất ma túy và chất hướng thần, khủng bố và các hình thức tội phạm khác,

Nhận thức được mức độ nghiêm trọng của sự gia tăng di cư trái phép và các nguy cơ tác động đến an ninh,

Với nguyện vọng phát triển quan hệ hợp tác song phương có hiệu quả,

Trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi,

Phù hợp với những nghĩa vụ quốc tế và pháp luật hiện hành của hai Bên Nhà nước,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Phạm vi hợp tác

(1) Các Bên ký kết sẽ hợp tác, phù hợp với những nghĩa vụ quốc tế và pháp luật của mỗi Bên Nhà nước, trong phòng ngừa và phát hiện tội phạm và người phạm tội, đặc biệt là trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức.

(2) Việc hợp tác theo khoản 1 Điều này được thực hiện đặc biệt nhằm đấu tranh chống:

a) Tội phạm xâm phạm đến tính mạng và sức khoẻ;

b) Khủng bố và tài trợ cho khủng bố;

c) Mua bán người, môi giới và chứa mại dâm, buôn bán bộ phận cơ thể và mô tế bào người bất hợp pháp;

d) Lạm dụng trẻ em và khiêu dâm trẻ em;

e) Các hành vi quá khích, kì thị chủng tộc và chống đối nhằm gạt bỏ mọi thứ từ nước ngoài;

f) Buôn bán bất hợp pháp các chất ma tuý và chất hướng thần theo Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma tuý và chất hướng thần (Công ước Viên, ngày 20 tháng 12 năm 1988);

g) Sản xuất, tàng trữ, nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển và buôn bán bất hợp pháp vũ khí, vật liệu nổ, thuốc nổ, các chất hoá học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân, hàng hoá và công nghệ chiến lược, các vật liệu quân sự cũng như các chất độc hại nguy hiểm khác, kể cả rác thải nguy hiểm;

h) Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành các loại tiền giả, các phương tiện thanh toán giả khác, chứng khoán, giấy tờ chính thức giả, đặc biệt là hộ chiếu và việc cấp phát, sử dụng hộ chiếu;

i) Giao dịch tài chính bất hợp pháp, hợp pháp hoá tài sản do phạm tội mà có;

j) Tham nhũng và tội phạm kinh tế nghiêm trọng;

k) Tội phạm liên quan tới các vật phẩm có giá trị văn hoá và lịch sử;

l) Trộm cắp tài sản;

m) Tội phạm xâm phạm sở hữu trí tuệ;

n) Tội phạm mạng.

(3) Hai bên cũng sẽ hợp tác chống lại việc di cư trái phép phù hợp với pháp luật và nghĩa vụ quốc tế của Nhà nước mình.

(4) Hai Bên cũng sẽ hợp tác trong công tác chuẩn bị cho hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm trong phạm vi quy định tại các khoản 1 và 3 của Điều này.

(5) Hợp tác theo Hiệp định này sẽ không bao gồm các vấn đề tương trợ tư pháp về hình sự thuộc thẩm quyền của các cơ quan tư pháp.

Điều 2
Hình thức hợp tác

Khi thực hiện hợp tác theo Hiệp định này, hai Bên ký kết sẽ lưu ý:

a) Thông báo cho nhau thông tin và tài liệu liên quan đến tội phạm, người bị tình nghi thực hiện tội phạm hoặc tham gia thực hiện tội phạm, mối liên hệ giữa các đồng phạm, thông tin về cơ cấu và tổ chức của các nhóm tội phạm, những hành vi điển hình của từng đối tượng phạm tội và các nhóm tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật hình sự và các biện pháp đã triển khai;

b) Cung cấp cho nhau thông tin về kế hoạch khủng bố nhằm trực tiếp chống lại lợi ích của các Bên ký kết và thông tin về các nhóm khủng bố mà thành viên của những nhóm này lập kế hoạch, thực hiện hoặc đã thực hiện các tội phạm trên lãnh thổ quốc gia của các Bên ký kết;

c) Hợp tác truy tìm người bị tình nghi thực hiện tội phạm; hoặc người trốn tránh trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án;

d) Hợp tác tìm kiếm người bị mất tích, bao gồm cả các hoạt động liên quan đến nhận dạng người hoặc hài cốt;

e) Hợp tác trong xác định và thu hồi tài sản do phạm tội mà có và tài sản tài trợ khủng bố;

f) Hợp tác truy tìm vật chứng;

g) Hợp tác theo dõi hoạt động bưu chính nhằm giải quyết vụ án hay xác định người phạm tội;

h) Trợ giúp về nhân sự, kỹ thuật và tổ chức trong phòng, chống, phát hiện tội phạm và người phạm tội;

i) Trong trường hợp cần thiết, tổ chức các cuộc họp về các vụ án hình sự cụ thể đang được điều tra nhằm chuẩn bị và phối hợp các biện pháp;

j) Trao đổi thông tin về kết quả nghiên cứu về tội phạm và tội phạm học, về thực tiễn điều tra, phương pháp và cách thức làm việc;

k) Trao đổi thông tin về phương thức và thủ đoạn phạm tội mới qua biên giới của Nhà nước các Bên ký kết;

l) Cung cấp thông tin về các vật được sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc do phạm tội mà có hoặc mẫu của các vật đó;

m) Trao đổi thông tin và hợp tác trong lĩnh vực chống di cư bất hợp pháp;

n) Trao đổi các văn bản pháp luật, tài liệu phân tích, khái niệm và các văn bản đặc biệt khác;

o) Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, đào tạo chuyên sâu và huấn luyện cảnh sát, trao đổi chuyên gia nhằm tăng cường kiến thức chuyên môn và hỗ trợ trao đổi kinh nghiệm, kiến thức về phương pháp và biện pháp phòng, chống tội phạm.

Điều 3
Cơ quan có thẩm quyền

(1) Các cơ quan có thẩm quyền hợp tác theo Hiệp định này (sau đây gọi là "các cơ quan có thẩm quyền") là:

Về phía Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

- Bộ Công an;

Về phía Cộng hòa Séc:

- Bộ Nội vụ,

- Cơ quan Cảnh sát Quốc gia,

- Cơ quan Thanh tra của Lực lượng An ninh,

- Tổng cục Hải quan Cộng hòa Séc.

(2) Hai Bên cung cấp cho nhau địa chỉ, số điện thoại, số fax và các thông tin liên lạc khác của các cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị của những cơ quan này chậm nhất là tới ngày Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ thông báo cho nhau ngay nếu có thay đổi về những thông tin này.

(3) Các Bên ký kết thông báo ngay cho nhau những thay đổi về trách nhiệm cũng như tên của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4
Yêu cầu hợp tác

(1) Việc hợp tác theo Hiệp định này sẽ được thực hiện khi có yêu cầu. Các yêu cầu về cung cấp thông tin, phương tiện, mẫu vật, áp dụng biện pháp hoặc các hình thức hỗ trợ khác theo Hiệp định này phải được lập thành văn bản, có thể được gửi bằng fax hoặc thư điện tử thông qua các cơ quan có thẩm

quyền. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể yêu cầu bằng lời nói nhưng ngay sau đó phải khẳng định bằng văn bản, có thể khẳng định qua fax hoặc thư điện tử.

(2) Các cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết được yêu cầu phải nhanh chongs thực hiện yêu cầu theo khoản 1 Điều này. Cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu có thể đề nghị cung cấp thông tin bổ sung nếu thấy cần thiết để thực hiện yêu cầu.

(3) Trong các trường hợp cụ thể, dù không được yêu cầu, các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết sẽ cung cấp thông tin nếu nhận thấy rằng thông tin đó cần thiết cho phía Bên kia trong việc phòng, chống, phát hiện tội phạm hoặc truy tìm người phạm tội.

Điều 5
Từ chối thực hiện yêu cầu

(1) Mỗi Bên ký kết có thể từ chối toàn bộ hay một phần yêu cầu hỗ trợ hay những hình thức hợp tác khác theo Hiệp định này nếu cho rằng việc thực hiện yêu cầu có thể gây tổn hại đến chủ quyền, an ninh hoặc những lợi ích quan trọng khác hoặc trái với pháp luật trong nước và những nghĩa vụ quốc tế của Nhà nước mình.

(2) Trong trường hợp từ chối toàn bộ hay một phần yêu cầu, hai Bên sẽ thông báo ngay cho nhau bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối.

(3) Các Bên ký kết có thể đưa ra các điều kiện để chấp nhận thực hiện yêu cầu, các điều kiện này có giá trị bắt buộc với Bên ký kết kia.

Điều 6
Ngôn ngữ

Để thực hiện Hiệp định này, các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết sử dụng tiếng Anh, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Điều 7
Sĩ quan liên lạc

(1) Mỗi Bên ký kết, sau khi thoả thuận với Bên kia, có thể gửi sĩ quan liên lạc đến các cơ quan có thẩm quyền của Bên kia.

(2) Trên lãnh thổ Bên ký kết kia, các sĩ quan liên lạc thực hiện hỗ trợ và cố vấn. Họ sẽ cung cấp thông tin và thực hiện những hoạt động trong khuôn

khổ những yêu cầu do Bên ký kết cử người đề ra; hỗ trợ trong thiết lập liên lạc và tham gia tổ chức những cuộc họp.

(3) Sĩ quan liên lạc do một Bên ký kết gửi sang quốc gia thứ ba theo thỏa thuận giữa các Bên ký kết và được sự đồng ý bằng văn bản của quốc gia thứ ba, có thể đại diện cho lợi ích của Bên ký kết kia.

Điều 8

Bảo vệ dữ liệu cá nhân

Việc chuyển giao và sử dụng các dữ liệu cá nhân (sau đây gọi là "dữ liệu") phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Bên ký kết nhận chỉ được sử dụng dữ liệu với mục đích và điều kiện do Bên ký kết chuyển giao quy định. Dữ liệu chỉ có thể sử dụng vào mục đích khác trong trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên ký kết chuyển giao.

b) Theo yêu cầu của Bên ký kết chuyển giao, Bên ký kết nhận sẽ thông báo về việc sử dụng dữ liệu và kết quả đạt được khi có dữ liệu đó.

c) Dữ liệu chỉ được chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền theo Hiệp định này và những cơ quan khác có thẩm quyền trong phòng, chống tội phạm hay di cư bất hợp pháp. Chỉ được phép cung cấp dữ liệu cho các cơ quan khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Bên ký kết chuyển giao.

d) Bên ký kết chuyển giao dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu được chuyển giao cũng như kiểm tra sự cần thiết và mục đích của việc chuyển giao. Nếu sau khi chuyển giao, Bên này nhận thấy dữ liệu được chuyển giao không chính xác hoặc không được phép chuyển giao, cần phải thông báo ngay cho Bên ký kết nhận. Bên ký kết nhận có trách nhiệm sửa chữa những dữ liệu không chính xác và tiêu huỷ những dữ liệu không được phép chuyển giao.

e) Nếu cá nhân là chủ thể của dữ liệu được chuyển giao có đơn yêu cầu và được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên ký kết kia thì sẽ được được cung cấp thông tin về dữ liệu chuyển giao và mục đích sử dụng các dữ liệu đó, miễn là pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu cung cấp thông tin không cấm.

f) Bên ký kết nhận có nghĩa vụ tiêu hủy những dữ liệu nhận được nếu như không còn cần thiết sử dụng vào mục đích mà dữ liệu được chuyển giao. Trong trường hợp Hiệp định này hết hiệu lực, cần phải tiêu huỷ tất cả những dữ liệu đã trao đổi theo Hiệp định chậm nhất vào ngày kết thúc Hiệp định, trừ khi được thay thế bằng Hiệp định khác.

g) Hai Bên ký kết có nghĩa vụ lưu trữ danh mục dữ liệu đã giao, nhận và tiêu huỷ. Danh mục lưu trữ phải chứa đựng thông tin về lý do chuyển giao dữ liệu, cơ quan giao và cơ quan nhận, thời gian chuyển giao, trích yếu nội dung dữ liệu cũng như thông tin về việc tiêu huỷ dữ liệu.

h) Hai Bên ký kết có nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu, không để dữ liệu bị phá hủy, mất, thay đổi, chuyển giao, tiếp cận hay công bố trái phép một cách cố ý hoặc vô ý.

i) Hai Bên ký kết sẽ hợp tác nhằm bảo vệ thông tin đã được chuyển giao; đặc biệt, hai Bên sẽ thông báo cho nhau về khả năng cá nhân yêu cầu bảo vệ các quyền của mình theo quy định tại điểm e Điều này.

Điều 9
Thông tin mật

(1) Trừ trường hợp có thỏa thuận đặc biệt về trao đổi thông tin mật, các thông tin mật được trao đổi trên cơ sở Hiệp định này phù hợp với luật pháp của các Bên ký kết và tuân thủ các quy định sau:

a) Thông tin theo quy định pháp luật của Nhà nước của Bên ký kết chuyển giao là mật và được phân loại thích hợp, Bên ký kết nhận sẽ áp dụng những biện pháp bảo vệ tương ứng với mức độ thông tin mật theo pháp luật của Bên giao, phù hợp với bảng so sánh quy đổi độ mật trong Phụ lục của Hiệp định này. Phụ lục là phần không thể tách rời của Hiệp định này.

b) Bên ký kết chuyển giao phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên ký kết nhận những thay đổi về mức độ bảo mật hay việc giải mật những thông tin đã chuyển giao. Bên ký kết nhận, theo thông báo này, sẽ thay đổi hoặc huỷ bỏ mức độ bảo mật.

c) Những thông tin mật đã chuyển giao chỉ được sử dụng vào mục đích đề ra khi chuyển giao và chỉ những cá nhân cần thiết phải có thông tin này và có thẩm quyền tiếp cận theo quy định pháp luật quốc gia được phép tiếp cận, nghĩa là phải đáp ứng các điều kiện về tiếp cận thông tin mật tương ứng với mức độ bảo mật.

d) Các cơ quan ngoài những cơ quan có thẩm quyền quy định trong Hiệp định này và các cơ quan khác có thẩm quyền trong phòng, chống tội phạm hay di cư trái phép chỉ có thể tiếp cận những thông tin mật này trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Bên ký kết chuyển giao.

e) Mọi vi phạm pháp luật của Bên ký kết nhận liên quan đến việc bảo vệ các thông tin mật đã chuyển giao phải được thông báo ngay cho Bên ký kết chuyển giao, trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra vi phạm pháp luật, hậu quả và các biện pháp áp dụng nhằm khắc phục hậu quả cũng như ngăn chặn các vi phạm này trong tương lai.

(2) Thông tin mật có thể được trao đổi trực tiếp giữa các cơ quan có thẩm quyền mà sẽ được thông báo qua kênh ngoại giao.

Điều 10
Chuyển giao thông tin cho nước thứ ba

(1) Chỉ có thể cung cấp thông tin và tài liệu đã chuyển giao, kể cả những thông tin mật cho quốc gia thứ ba và các tổ chức quốc tế nếu có sự đồng ý bằng văn bản của Bên ký kết chuyển giao.

(2) Trừ khi phía Việt Nam có ý kiến khác, phía Séc có thể chia sẻ thông tin cần thiết cho mục đích bảo vệ biên giới và chính sách về thị thực do phía Việt Nam cung cấp trong phạm vi hợp tác theo Hiệp định này với nước thứ ba khi sử dụng hệ thống thông tin được thiết lập theo quy định của Cộng đồng châu Âu.

Điều 11
Chi phí

Trừ trường hợp các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết có thoả thuận khác, Bên ký kết cung cấp hỗ trợ sẽ chịu chi phí thực hiện hợp tác theo Hiệp định này với điều kiện các Bên ký kết lưu ý đến sự cân bằng tương đối và nguyên tắc có đi có lại trong chi phí.

Điều 12
Đánh giá và thực hiện Hiệp định

(1) Các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết định kỳ đánh giá việc hợp tác theo Hiệp định này.

(2) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết có thể ký kết các thỏa thuận nhằm triển khai thực hiện Hiệp định này.

Điều 13
Giải quyết bất đồng

Những bất đồng phát sinh liên quan đến giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn giữa các cơ quan có thẩm quyền của các Bên ký kết. Nếu các bất đồng không thể giải quyết bằng hình thức này, sẽ được giải quyết qua kênh ngoại giao.

Điều 14
Phù hợp với các điều ước quốc tế khác

Hiệp định này không ảnh hưởng đến những cam kết theo những điều ước quốc tế khác mà các Bên ký kết là thành viên.

Điều 15
Tạm dừng thực hiện

Mỗi Bên ký kết đều có quyền tạm ngừng việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần Hiệp định này vì yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc sức khoẻ của con người. Hai Bên ký kết phải thông báo ngay cho nhau bằng văn bản về việc áp dụng hoặc bãi bỏ biện pháp này qua kênh ngoại giao. Việc tạm ngừng và việc bãi bỏ tạm ngừng thực hiện Hiệp định này có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày Bên ký kết kia nhận được thông báo bằng văn bản.

Điều 16
Điều khoản cuối cùng

(1) Hiệp định này có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi sau ngày nhận được thông báo cuối cùng về việc hoàn thành thủ tục hiệu lực của Hiệp định theo quy định trong nước của các Bên ký kết qua kênh ngoại giao.

(2) Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn trừ quy định tại khoản 1 Điều 9 sẽ kết thúc hiệu lực khi một thỏa thuận đặc biệt về trao đổi thông tin mật có hiệu lực. Mỗi Bên ký kết đều có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi văn bản tại bất cứ thời điểm nào. Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau sáu tháng

kể từ ngày Bên ký kết kia nhận thông báo về việc chấm dứt hiệu lực Hiệp định.

Làm tại Hà Nội ngày 07 tháng 6 năm 2017 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Séc và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA SÉC
LÊ QUÝ VƯƠNG Thứ trưởng Bộ Công an	VÍTĚZSLAV GREPL Đại sứ

Phụ lục

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc về hợp tác phòng, chống tội phạm

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc về hợp tác phòng, chống tội phạm và căn cứ vào các quy định pháp luật tương ứng, các Bên ký kết đã xác định các phân loại về mức độ bảo mật có thể so sánh theo yêu cầu của Hiệp định như sau:

MẬT/CONFIDENTIAL	-	VYHRAZENÉ/RESTRICTED hoặc DŮVĚRNÉ/CONFIDENTIAL
TỐI MẬT/SECRET	-	TAJNÉ/ SECRET
TUYỆT MẬT/TOP SECRET	-	PŘÍSNĚ TAJNÉ/ TOP SECRET

Trường hợp phía Cộng hòa Séc nhận được các thông tin từ phía Việt Nam được phân loại MẬT/CONFIDENTIAL, phía Cộng hòa Séc sẽ phân loại các thông tin này là DŮVĚRNÉ/MẬT.

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE CZECH REPUBLIC
ON
COOPERATION IN COMBATING CRIME

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Czech Republic (hereinafter referred to as "the Contracting Parties"),

Concerned by the expansion of transnational crime, particularly by the increasing abuse of narcotic drugs and psychotropic substances and trafficking in them internationally,

Convinced that cooperation in combating organized crime, illicit traffic in narcotic drugs and psychotropic substances, terrorism and other forms of crime or in preventing them is of fundamental importance,

Aware of the serious nature of the growth of illegal migration and the related security risks,

Wishing to effectively develop bilateral cooperation,

On the basis of mutual respect for independence, sovereignty, territorial integrity, non-interference into internal affairs, equality and mutual benefit,

In accordance with the international obligations and legal regulations of their states,

Have agreed as follows:

Article 1
Scope of Cooperation

(1) The Contracting Parties shall cooperate, in accordance with the legal regulations and international obligations of their states in the prevention and detection of crimes and in the detection of offenders with an emphasis on combating organized crime.

(2) Cooperation in accordance with paragraph 1 of this Article shall be carried out particularly in combating:

a) crimes against life and health;

b) terrorism and its financing;

c) trafficking in human beings, procuring and soliciting prostitution, illicit trafficking in human organs and tissues;

d) child abuse and child pornography;

e) manifestations of extremism, racial hatred and xenophobia;

f) illicit trafficking in narcotic drugs and psychotropic substances in accordance with the United Nations Convention against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances (Vienna, December 20, 1988);

g) illegal production, solicitation, possession, import, export, transit and trade with weapons, ammunition and explosives, chemical, biological, radioactive and nuclear materials, goods and technologies of strategic importance and with military material as well as other highly dangerous substances, including hazardous waste;

h) production, possession, transport and circulation of counterfeit money, other means of payments, securities, official documents, in particular passports, and their distribution and use;

i) illegal financial transactions, legalization of proceeds of crime;

j) corruption and serious economic crime;

k) crimes related to objects of cultural and historical value;

l) theft;

m) crimes against intellectual property;

n) cybercrime.

(3) The Contracting Parties shall also cooperate in combating illegal migration, in accordance with the legal regulations and international obligations of their states.

(4) The Contracting Parties shall also cooperate in the preparation for combating crime within the intention of paragraphs 1 and 3 of this Article.

(5) The cooperation under this Agreement shall not include provision of legal assistance in criminal matters, which is within the powers of judicial bodies.

Article 2
Forms of Cooperation

When carrying out the cooperation under the Agreement, the Contracting Parties shall in particular:

a) notify each other of the findings and data concerning crimes, persons suspected of or involved in committing crime, links between the offenders, information on the organization and structure of groups committing crime, the typical behaviour of the offenders and groups, and on the violation of criminal law and the adopted measures;

b) provide each other with the information on planned terrorist acts directed against the interests of the Contracting Parties and on the terrorist groups whose members plan, commit or have committed crimes on the territory of the states of the Contracting Parties;

c) cooperate in the search for persons suspected of committing crime, as well as those trying to avoid criminal liability or evade the service of a sentence;

d) cooperate in the search for missing persons, including actions connected with the identification of persons or mortal remains;

e) cooperate in the identification and seizure of proceeds of crime and means of financing terrorism;

f) cooperate in the search for things;

g) cooperate in controlled delivery operations to solve a crime or detect all the offenders;

h) provide each other with personal, technical and organizational assistance in crime prevention and detection and the detection of the offenders;

i) if necessary, hold working meetings on concrete criminal cases under investigation to prepare and coordinate measures;

j) exchange information on the results of criminal and criminological research, on the investigation practices, methods and means of work;

k) exchange information on the methods and new forms of committing crime that surpass the borders of the states of the Contracting Parties;

l) provide each other with information on objects used as instruments of crimes or proceeding from crime, or their samples;

m) exchange information and cooperate in the area of combating illegal migration;

n) exchange legal regulations, analytical and conceptual documents and specialized literature;

o) cooperate in the area of education, further education and training of police officers and exchange specialists in order to increase their professional knowledge, support the exchange of experience and learn about the means and methods of combating crime.

Article 3
Competent Bodies

(1) The following bodies shall be competent to cooperate under the Agreement within their responsibilities (hereinafter referred to as "competent bodies"):

for the Socialist Republic of Viet Nam:

- Ministry of Public Security;

for the Czech Republic:

- Ministry of the Interior,
- Police Presidium of the Czech Republic,
- General Inspection of the Security Forces,
- Customs Administration of the Czech Republic.

(2) The Contracting Parties shall provide each other with the addresses, telephone and fax numbers and other contacts of the competent bodies

and their departments no later than on the date the Agreement comes into force. The competent bodies shall immediately notify each other of any changes in this data.

(3) The Contracting Parties shall immediately notify each other of any changes regarding the responsibilities and names of the competent bodies.

Article 4
Requests for Cooperation

(1) The assistance under this Agreement shall be provided at request. The request for information, means, samples, the adoption of measures or another form of assistance under this Agreement shall be submitted in writing, possibly by fax or electronic mail through the competent bodies. In urgent cases, the request may be submitted orally with an immediate subsequent written confirmation, possibly with confirmation by fax or electronic mail.

(2) The competent body of the requested Contracting Party shall process the request under paragraph 1 of this Article without undue delay. The competent body of the requested Contracting Party may ask for additional information, if necessary for processing the request.

(3) In individual cases, the competent bodies of the Contracting Parties shall provide each other with information without request, should they assume the information is essential for the other Contracting Party in order to prevent and detect crimes or offenders.

Article 5
Refusal of Request

(1) Each Contracting Party may totally or partly refuse the request for assistance or other forms of cooperation under this Agreement where it appears that accepting it could violate sovereignty, security or any other important interests of its state or should it contravene the legal regulations or international obligations of its state.

(2) Should the request be totally or partly refused, the Contracting Parties shall notify each other of this fact and reasons for refusal in writing without undue delay.

(3) The Contracting Parties may set conditions for accepting the request, which shall be obligatory for the other Contracting Party.

Article 6
Language

When implementing this Agreement, the competent bodies of the Contracting Parties shall use the English language, unless agreed otherwise.

Article 7
Liaison Officers

(1) Upon an agreement with the other Contracting Party, each Contracting Party may send liaison officers to the other party's competent bodies.

(2) On the territory of the state of the other Contracting Party, the liaison officers shall provide assistance and advice. They shall provide information and attend to their assignments within the instructions given to them by the sending Contracting Party. They shall provide assistance in establishing contacts and participate in the organisation of working meetings.

(3) The liaison officers of one Contracting Party seconded to a third country may, following a mutual agreement between the Contracting Parties and with a written consent of the third country, represent also the interests of the other Contracting Party.

Article 8
Personal Data Protection

The following provisions shall apply to transferring personal data (hereinafter referred to as "data") and for handling them:

a) The recipient Contracting Party may use the data only for the purpose and under the conditions set by the Contracting Party transferring it. The data can be used for other purposes only with a prior written consent of the transferring Contracting Party.

b) At the request of the transferring Contracting Party, the recipient Contracting Party shall provide information on the use of received data and on the results achieved with the help of the data.

c) The data shall be transferred exclusively to the competent bodies under this Agreement and other bodies competent to combat crime or illegal migration. Disclosing the data to other bodies shall only be possible with a written consent of the transferring Contracting Party.

d) The transferring Contracting Party shall be obliged to ensure the accuracy of the transferred data and check that the transfer is necessary and purposeful. Should it be later established that wrong data has been transferred or data that should not have been transferred, the recipient Contracting Party must be notified immediately. The recipient Contracting Party shall be obliged to correct the wrong data, or destroy that data which should not have been transferred.

e) The person whose data has been transferred shall be provided, at his or her request and with a prior written consent of the other Contracting Party, with information on the transferred data and its intended use, provided that the legal regulations of the state of the Contracting Party requested to provide the information do not obstruct this.

f) The recipient Contracting Party shall be obliged to destroy the received data should it no longer need it for the purpose for which the data was transferred. In the event of a termination of this Agreement, it shall be necessary to destroy all the data received thereunder no later than on the date of its termination, unless it is replaced by a new Agreement.

g) The Contracting Parties shall be obliged to keep records on the transfer, receipt and destruction of the data. The records shall include information on the reasons for the data transfer, the transferring and the recipient bodies, the time of the transfer, the extent of the data as well as information on the destruction of the data.

h) The Contracting Parties shall be obliged to effectively protect the transferred data from its accidental or unauthorized destruction, accidental loss, accidental or unauthorized change, accidental or unauthorized transfer, accidental or unauthorized access or from accidental or unauthorized disclosure.

i) The Contracting Parties shall cooperate in the protection of the transferred data; in particular, they shall inform each other of the possibilities of persons to seek protection of their rights pursuant to Let. e) of this Article.

Article 9
Classified Information

(1) Unless the special agreement conditioning interchange of classified information is concluded, classified information are under this Agreement transferred in accordance with the legal regulations of the states of both Contracting Parties with the respect to:

a) Information which under the legal regulations of the state of the transferring Contracting Party is subject to security classification, and is marked accordingly, shall be provided by the recipient Contracting Party with protection equal to that given to information subject to the corresponding level of security classification under the legal regulations of its state, in accordance with the table of equivalence of the security classification levels included in the Annex to this Agreement. The Annex forms an integral part of this Agreement.

b) The transferring Contracting Party shall notify the recipient Contracting Party in writing and without undue delay of any reclassification or declassification of the classified information transferred. The recipient Contracting Party shall carry out the reclassification or declassification in accordance with the notification.

c) The transferred classified information shall be used only for the purpose for which it has been transferred and shall be made accessible only to persons with a need to know who are authorized thereto under the national legal regulations, i.e. they meet the conditions for access to classified information of the relevant level of the security classification.

d) The transferred classified information shall be made accessible to other than the competent bodies stated in this Agreement and to other bodies competent to combat crime and illegal migration only with a written consent of the transferring Contracting Party.

e) Any violation of the legal regulations of the state of the recipient Contracting Party concerning the protection of the transferred classified information shall be without undue delay reported to the transferring Contracting Party, including information on the circumstances of the violation of the legal regulations, its consequences and the measures adopted to reduce the consequences and prevent such violations in the future.

(2) Classified information may be transferred directly between the competent bodies, which shall be notified through diplomatic channels.

Article 10
Transfer of Information to Third Parties

(1) The provision of transferred information and documents including classified information to third countries and international organizations shall only be possible with a written consent of the transferring Contracting Party.

(2) Unless the Vietnamese side indicates otherwise, the Czech side may share information necessary for the purpose of border protection and visa policy, provided by the Vietnamese side in the framework of cooperation under this Agreement, with third states, when using the information systems established under the European Union law.

Article 11
Expenses

Unless the competent bodies of the Contracting Parties agree otherwise in advance the Contracting Party providing assistance to the other Contracting Party shall bear the costs of the implementation of cooperation under this Agreement given that the Contracting Parties shall pay attention to mutual balance and reciprocity of the costs.

Article 12
Evaluation and Implementing Arrangements

(1) The competent bodies of the Contracting Parties shall regularly evaluate the cooperation under this Agreement.

(2) In case of need, the competent bodies of the Contracting Parties may conclude arrangements to implement this Agreement.

Article 13
Settlement of Disputes

Any possible disputes concerning the interpretation or implementation of this Agreement shall be solved through negotiations between the competent bodies of the Contracting Parties. If the disputes are not settled by these means, they shall be further solved through diplomatic channels.

Article 14
Compatibility with Other international Agreements

This Agreement is without prejudice to obligations ensuing from other international agreements by which the states of both Contracting Parties are bound.

Article 15
Suspension of Implementation

Each Contracting Party may temporarily entirely or partly suspend the implementation of this Agreement should it be necessary for ensuring the state security, public order, safety or health of persons. The Contracting Parties shall notify each other of the adoption or withdrawal of such a measure without undue delay through diplomatic channels. The suspension of the implementation of this Agreement and its withdrawal shall become effective upon the expiration of fifteen days after the delivery of such a notification to the other Contracting Party.

Article 16
Final Provision

(1) This Agreement shall enter into force on the sixtieth day from the date of receipt of the last notification of the Contracting Parties, through diplomatic channels, that the internal legal procedures for entry into force of this Agreement have been fulfilled.

(2) This Agreement is concluded for an indefinite period of time with the exception of Article 9 paragraph 1 which shall expire by entry into force

of the special agreement conditioning interchange of classified information. Each Contracting Party may denounce the Agreement in writing at any time. The Agreement shall terminate six months following the date of the receipt of the notification of denunciation to the other Contracting Party.

Done in Ha Noi on 07 June 2017 in two originals, each of them in the Vietnamese, Czech and English languages, all texts being equally authentic. In case of difference in the interpretation, the English version shall prevail.

ON BEHALF OF THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	ON BEHALF OF THE GOVERNMENT OF THE CZECH REPUBLIC
MR. LE QUY VUONG Deputy Minister of Public Security	H.E. MR. VÍTĚZSLAV GREPL Ambassador

Annex

to the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Czech Republic on Cooperation in Combating Crime

In accordance with Article 9 paragraph 1 Let. a) of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Czech Republic on Cooperation in Combating Crime and taking in consideration the respective legal regulations, the Contracting Parties have determined that the following levels of security classification are comparable for the needs of this Agreement:

MẬT/ CONFIDENTIAL	–	VYHRAZENÉ/RESTRICTED or DŮVĚRNÉ/CONFIDENTIAL
TỐI MẬT/SECRET	–	TAJNÉ/ SECRET
TUYỆT MẬT/TOP SECRET	–	PŘÍSNĚ TAJNÉ/ TOP SECRET

When the Czech side receives from the Vietnamese side information classified as MẬT/ CONFIDENTIAL, on the Czech side it shall be always classified as DŮVĚRNÉ/CONFIDENTIAL.

Smlouva

mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky

o spolupráci v boji proti trestné činnosti

Vláda Vietnamské socialistické republiky a vláda České republiky (dále jen „smluvní strany"),

znepokojeny nadnárodním šířením trestné činnosti, zejména zvyšujícím se zneužíváním omamných a psychotropních látek a růstem mezinárodního obchodu s nimi,

přesvědčeny, že spolupráce v oblasti boje proti organizovanému zločinu, nedovolenému obchodu s omamnými a psychotropními látkami, terorizmu a dalším druhům trestné činnosti nebo při jejich prevenci má zásadní význam,

vědomy si závažnosti nárůstu nelegální migrace a s tím souvisejících bezpečnostních rizik,

vedeny přáním účinně rozvíjet spolupráci na bilaterální úrovni,

na základě vzájemného respektování nezávislosti, svrchovanosti, územní celistvosti, nezasahování do vnitřních záležitostí, rovnosti a oboustranné výhodnosti,

v souladu s mezinárodními závazky a právními předpisy svých států,

se dohodly takto:

Článek 1
Rozsah spolupráce

(1) Smluvní strany v souladu s právními předpisy a mezinárodními závazky svých států spolupracují při prevenci a odhalování trestných činů a při zjišťování pachatelů s důrazem na boj proti organizovanému zločinu.

(2) Spolupráce podle odstavce 1 tohoto článku se uskutečňuje zejména v boji proti:

a) trestné činnosti směřující proti životu a zdraví,

b) terorizmu a jeho financování,

c) obchodování s lidmi, kuplířství, nezákonnému obchodování s lidskými orgány a tkáněmi,

d) sexuálnímu zneužívání dětí a dětské pornografii,

e) projevům extremismu, rasové nesnášenlivosti a xenofobie,

f) nedovolenému obchodu s omamnými a psychotropními látkami podle Úmluvy Organizace spojených národů proti nedovolenému obchodu s omamnými a psychotropními látkami (Vídeň, 20. prosinec 1988),

g) nezákonné výrobě, opatřování, držení, dovozu, vývozu, průvozu a obchodu se zbraněmi, střelivem a výbušninami, chemickým, biologickým, radioaktivním a jaderným materiálem, se zbožím a technologiemi strategického významu a s vojenským materiálem, jakož i s jinými vysoce nebezpečnými látkami, včetně nebezpečných odpadů,

h) výrobě, držení, přepravě a uvádění do oběhu padělaných peněz, jiných platebních prostředků, cenných papírů, úředních dokladů, zejména cestovních dokladů, jejich distribuci a používání,

i) nezákonným finančním operacím, legalizaci výnosů z trestné činnosti,

j) korupci a závažné hospodářské trestné činnosti,

k) trestné činnosti, jejímž předmětem jsou díla kulturní a historické hodnoty,

l) krádežím,

m) trestným činům proti duševnímu vlastnictví,

n) počítačové kriminalitě.

(3) Smluvní strany v souladu s právními předpisy a mezinárodními závazky svých států spolupracují rovněž v boji proti nelegální migraci.

(4) Smluvní strany spolupracují rovněž při přípravě k boji s trestnou činností ve smyslu odstavců 1 a 3 tohoto článku.

(5) Spolupráce podle této smlouvy nezahrnuje poskytování právní pomoci ve věcech trestních, která náleží do působnosti justičních orgánů.

Článek 2
Formy spolupráce

V rámci spolupráce podle této smlouvy smluvní strany zejména:

a) sdělují si poznatky a údaje o trestných činech, o osobách podezřelých nebo účastnících se páchání trestné činnosti, propojení pachatelů, informace

o organizaci skupin páchajících trestnou činnost a jejich struktuře, typickém chování pachatelů a skupin, o porušení trestně právních předpisů a o přijatých opatřeních,

b) předávají si informace o plánovaných teroristických činech směřujících proti zájmům smluvních stran a o teroristických skupinách, jejichž členové plánují, páchají nebo již spáchali trestné činy na území států smluvních stran,

c) spolupracují při pátrání po osobách podezřelých ze spáchání trestné činnosti, jakož i po osobách, které se vyhýbají trestní odpovědnosti nebo výkonu trestu,

d) spolupracují při pátrání po pohřešovaných osobách, včetně provádění úkonů souvisejících s identifikací osob nebo tělesných ostatků,

e) spolupracují při vyhledávání a zajišťování výnosů z trestné činnosti a prostředků určených k financování terorizmu,

f) spolupracují při pátrání po věcech,

g) spolupracují při sledování zásilek v zájmu objasnění trestného činu nebo odhalení všech jeho pachatelů,

h) poskytují si osobní, technickou a organizační pomoc při prevenci, odhalování trestných činů a zjišťování pachatelů,

i) v případě potřeby uskutečňují pracovní setkání týkající se konkrétních vyšetřovaných případů trestné činnosti za účelem přípravy a koordinace opatření,

j) vyměňují si informace o výsledcích kriminalistického a kriminologického výzkumu, o vyšetřovací praxi, pracovních metodách a prostředcích,

k) vyměňují si informace o metodách a nových formách páchání trestné činnosti přesahující hranice států smluvních stran,

l) poskytují si informace o předmětech, jimiž byly trestné činy spáchány nebo z trestné činnosti pocházejí, nebo jejich vzorky,

m) vyměňují si informace a spolupracují v oblasti boje s nelegální migrací,

n) vyměňují si právní předpisy, analytické a koncepční materiály a odbornou literaturu,

o) spolupracují v oblasti vzdělávání, dalšího vzdělávání a výcviku policistů a vzájemně vysílají odborníky s cílem prohlubovat jejich odborné znalosti, podporovat výměnu zkušeností a seznamovat se s prostředky a metodami boje proti trestné činnosti.

Článek 3
Příslušné orgány

(1) Orgány příslušnými ke spolupráci podle této smlouvy (dále jen „příslušné orgány") jsou v rámci svých kompetencí:

ve Vietnamské socialistické republice

- Ministerstvo pro veřejnou bezpečnost;

v České republice

- Ministerstvo vnitra,
- Policejní prezidium České republiky,
- Generální inspekce bezpečnostních sborů,
- Celní správa České republiky.

(2) Smluvní strany si nejpozději ke dni vstupu této smlouvy v platnost vzájemně sdělí adresy, telefonní a faxová čísla a jiné spojení příslušných orgánů a jejich útvarů. Příslušné orgány se budou neprodleně informovat o veškerých změnách v těchto údajích.

(3) Smluvní strany se budou neprodleně informovat o veškerých změnách v kompetencích a názvech příslušných orgánů.

Článek 4
Žádosti o spolupráci

(1) Pomoc na základě této smlouvy se poskytuje na žádost. Žádost o poskytnutí informace, prostředků, vzorků, přijetí opatření nebo jinou formu pomoci podle této smlouvy se podává písemně, příp. faxem nebo elektronickou poštou prostřednictvím příslušných orgánů. V naléhavých případech lze žádost podat i ústně s následným bezodkladným písemným potvrzením, příp. potvrzením faxem nebo elektronickou poštou.

(2) Žádost podle odstavce 1 tohoto článku vyřídí příslušný orgán žádané smluvní strany bez zbytečného odkladu. Příslušný orgán žádané smluvní strany si může vyžádat doplňující informace, je-li to nutné k vyřízení žádosti.

(3) Příslušné orgány smluvních stran si v jednotlivých případech navzájem sdělují bez žádosti informace, pokud se domnívají, že jsou pro druhou smluvní stranu potřebné pro prevenci a odhalování trestných činů nebo pro zjišťování pachatelů.

Článek 5
Odmítnutí žádosti

(1) Každá smluvní strana může žádost o poskytnutí pomoci nebo jinou formu spolupráce podle této smlouvy zcela nebo zčásti odmítnout, má-li za to, že by vyhovění žádosti mohlo ohrozit svrchovanost, bezpečnost nebo jiný důležitý zájem jejího státu nebo pokud by to bylo v rozporu s právními předpisy nebo s mezinárodními závazky jejího státu.

(2) V případě, že je žádost zcela nebo zčásti odmítnuta, smluvní strany se o této skutečnosti a důvodech odmítnutí neprodleně písemně informují.

(3) Pro vyhovění žádosti mohou smluvní strany stanovit podmínky, které jsou pro druhou smluvní stranu závazné.

Článek 6
Jazyk

Při provádění této smlouvy používají příslušné orgány smluvních stran anglický jazyk, pokud není dohodnuto jinak.

Článek 7
Styční důstojníci

(1) Každá smluvní strana může po dohodě s druhou smluvní stranou vysílat k jejím příslušným orgánům styčné důstojníky.

(2) Styční důstojníci vyvíjejí na území státu druhé smluvní strany podpůrnou a poradní činnost. Poskytují informace a vyřizují své úkoly v rámci pokynů udělených jim vysílající smluvní stranou. Poskytují pomoc při navazování kontaktů a podílejí se na organizaci pracovních setkání.

(3) Styční důstojníci jedné smluvní strany vyslaní do třetího státu mohou po vzájemné dohodě smluvních stran a za předpokladu písemného souhlasu třetího státu zastupovat i zájmy druhé smluvní strany.

Článek 8
Ochrana osobních údajů

Pro předávání osobních údajů (dále jen „údaje") a nakládání s nimi platí následující ustanovení:

a) Přijímající smluvní strana může údaje použít pouze pro účely a za podmínek stanovených předávající smluvní stranou. K jiným účelům lze údaje použít pouze s předchozím písemným souhlasem předávající smluvní strany.

b) Přijímající smluvní strana na žádost předávající smluvní strany podá informace o použití přijatých údajů a o výsledcích dosažených jejich pomocí.

c) Údaje se mohou předávat výlučně příslušným orgánům podle této smlouvy a dalším orgánům příslušným k boji proti trestné činnosti nebo nelegální migraci. Poskytování údajů jiným orgánům je možné pouze na základě písemného souhlasu předávající smluvní strany.

d) Předávající smluvní strana je povinna zajistit správnost předávaných údajů, jakož i dbát na to, zda je jejich předání nutné a účelné. Bude-li dodatečně zjištěno, že byly předány nesprávné údaje nebo údaje, které neměly být předány, je nutno o tom okamžitě uvědomit přijímající smluvní stranu. Ta musí nesprávné údaje opravit, nebo šlo-li o údaje, které neměly být předány, zlikvidovat.

e) Osobě, o níž byly údaje předány, bude na její žádost po předchozím písemném souhlasu druhé smluvní strany poskytnuta informace o předaných údajích a o jejich zamýšleném použití za předpokladu, že tomu nebrání právní předpisy státu smluvní strany, která byla o poskytnutí informace požádána.

f) Přijímající smluvní strana je povinna přijaté údaje zlikvidovat, pokud je již nepotřebuje ke splnění účelu, pro který byly předány. V případě skončení platnosti této smlouvy je nutno všechny údaje, jež byly přijaty na jejím základě, zlikvidovat, a to nejpozději k datu ukončení její platnosti, nebude-li nahrazena novou smlouvou.

g) Smluvní strany jsou povinny vést evidenci o předání, přijetí a likvidaci údajů. Evidence obsahuje informace o důvodu předání údajů, předávajícím a přijímajícím orgánu, čase předání, rozsahu údajů, jakož i o jejich likvidaci.

h) Smluvní strany jsou povinny účinně chránit předané údaje proti náhodnému nebo neoprávněnému zničení, náhodné ztrátě, proti náhodné nebo neoprávněné změně, proti náhodnému nebo neoprávněnému předávání, proti náhodnému nebo neoprávněnému přístupu či proti náhodnému nebo neoprávněnému zveřejňování.

i) Smluvní strany vzájemně spolupracují v oblasti ochrany předávaných údajů, zejména se vzájemně informují o možnostech osob domáhat se ochrany svých práv podle písm. e) tohoto článku.

Článek 9
Utajované informace

(1) Není-li sjednána zvláštní smlouva upravující výměnu utajovaných informací, utajované informace jsou na základě této smlouvy předávány v souladu s právními předpisy států obou smluvních stran s tím, že:

a) Informacím podléhajícím podle právních předpisů státu předávající smluvní strany utajení, jsou-li jako takové označeny, je přijímající smluvní stranou poskytována rovnocenná ochrana jako informacím podléhajícím odpovídajícímu stupni utajení podle právních předpisů jejího státu v souladu s tabulkou ekvivalence stupňů utajení uvedenou v příloze k této smlouvě. Příloha tvoří nedílnou součást této smlouvy.

b) Předávající smluvní strana neprodleně písemně oznámí přijímající smluvní straně změnu nebo zrušení stupně utajení předané utajované informace. Přijímající smluvní strana v souladu s tímto oznámením provede změnu nebo zrušení stupně utajení.

c) Předané utajované informace lze používat jen pro účel, pro který byly předány, a mohou být zpřístupněny pouze osobám, pro jejichž činnost je znalost těchto utajovaných informací nutná a které jsou k tomu oprávněny na základě vnitrostátních právních předpisů, tj. zejména splňují podmínky přístupu k utajované informaci příslušného stupně utajení.

d) Předané utajované informace mohou být jiným orgánům než příslušným orgánům uvedeným v této smlouvě a dalším orgánům příslušným k boji proti trestné činnosti nebo nelegální migraci zpřístupněny pouze s písemným souhlasem předávající smluvní strany.

e) Jakékoliv porušení právních předpisů státu přijímající smluvní strany týkající se ochrany předané utajované informace bude neprodleně oznámeno předávající smluvní straně, včetně informací o okolnostech porušení právních předpisů, jeho následcích a o opatřeních přijatých za účelem omezení těchto následků a zamezení takovémuto porušování předpisů v budoucnosti.

(2) Utajované informace mohou být předávány přímo mezi příslušnými orgány, které budou oznámeny diplomatickou cestou.

Článek 10
Předávání informací třetím stranám

(1) Poskytování předaných informací a materiálů včetně utajovaných informací třetím státům a mezinárodním organizacím je možné pouze s písemným souhlasem předávající smluvní strany.

(2) Nesdělí-li vietnamská strana něco jiného, může česká strana sdílet informace potřebné pro účely ochrany hranic a vízové politiky, poskytnuté vietnamskou stranou v rámci spolupráce podle této smlouvy, se třetími státy za použití informačních systémů zřízených na základě práva Evropské unie.

Článek 11
Náklady

Pokud se příslušné orgány smluvních stran předem nedohodnou jinak, náklady spojené s realizací spolupráce podle této smlouvy nese smluvní strana, která pomoc druhé smluvní straně poskytuje, s tím, že smluvní strany budou dbát na vzájemnou vyváženost a reciprocitu nákladů.

Článek 12
Hodnocení a prováděcí ujednání

(1) Příslušné orgány smluvních stran budou pravidelně vyhodnocovat spolupráci podle této smlouvy.

(2) Příslušné orgány smluvních stran mohou v případě potřeby uzavírat ujednání k provádění této smlouvy.

Článek 13
Řešení sporů

Případné spory týkající se výkladu nebo provádění této smlouvy budou řešeny jednáními mezi příslušnými orgány smluvních stran. Nepodaří-li se vyřešit spory tímto způsobem, budou řešeny diplomatickou cestou.

Článek 14
Soulad s dalšími mezinárodními smlouvami

Touto smlouvou nejsou dotčeny závazky vyplývající z jiných mezinárodních smluv, jimiž jsou státy obou smluvních stran vázány.

Článek 15
Pozastavení provádění

Každá smluvní strana může dočasně zcela nebo zčásti pozastavit provádění této smlouvy, jestliže to vyžaduje zajištění bezpečnosti státu, veřejného pořádku, bezpečnosti nebo zdraví osob. Přijetí nebo odvolání takového opatření si smluvní strany neprodleně sdělí diplomatickou cestou. Pozastavení provádění této smlouvy a jeho odvolání nabývá účinnosti uplynutím patnácti dnů od doručení takového sdělení druhé smluvní straně.

Článek 16
Závěrečné ustanovení

(1) Tato smlouva vstoupí v platnost šedesátý den ode dne obdržení pozdějšího oznámení smluvních stran učiněného diplomatickou cestou o splnění vnitrostátních právních podmínek pro vstup této smlouvy v platnost.

(2) Tato smlouva se sjednává na dobu neurčitou s výjimkou článku 9 odst. 1, jehož platnost bude ukončena vstupem v platnost zvláštní smlouvy upravující výměnu utajovaných informací. Každá ze smluvních stran může smlouvu kdykoli písemně vypovědět. Platnost smlouvy skončí šest měsíců ode dne obdržení oznámení o výpovědi druhou smluvní stranou.

Dáno v Hanoji dne 7. června 2017 ve dvou původních vyhotoveních, každé z nich v jazyce vietnamském, českém a anglickém, přičemž všechna znění jsou stejně autentická. V případě rozdílností ve výkladu bude rozhodující anglické znění.

ZA VLÁDU VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY	ZA VLÁDU ČESKÉ REPUBLIKY

Příloha

ke Smlouvě mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky
o spolupráci v boji proti trestné činnosti

Smluvní strany v souladu se článkem 9 odst. 1 písm. a) Smlouvy mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a vládou České republiky o spolupráci v boji proti trestné činnosti a s přihlédnutím k příslušným právním předpisům stanoví, že pro potřeby této smlouvy jsou srovnatelné následující stupně utajení:

MẬT/ CONFIDENTIAL	–	VYHRAZENÉ/RESTRICTED or DŮVĚRNÉ/CONFIDENTIAL
TỐI MẬT/SECRET	–	TAJNÉ/ SECRET
TUYỆT MẬT/TOP SECRET	–	PŘÍSNĚ TAJNÉ/ TOP SECRET

Pokud česká strana obdrží od vietnamské strany informace stupně utajení MẬT/CONFIDENTIAL, na české straně jsou vždy považovány za DUVĚRNÉ/CONFIDENTAL.